

Triển vọng phát triển kinh tế châu Á

KIM NGỌC

1. Tổng quan

Châu Á đã đạt được những bước tiến thần kỳ trong các thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, nhưng đã bị "hụt hơi" khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ nổ ra năm 1997. Cuộc khủng hoảng đã đặt ra cho châu Á nhiều vấn đề phải giải quyết trong các thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Các nước sẽ phải tăng cường cải cách các cơ chế tài chính trung gian, đặc biệt, cần ngăn chặn sức ép bảo hộ do các tác động của tự do hóa thương mại.

Vượt lên trên tất cả các hậu quả của khủng hoảng, các thể chế kinh tế, tài chính và chính trị, châu Á đã nhận thấy điểm yếu của mình và đang có những cải cách lớn, chuẩn bị cho một thời kỳ cất cánh mới. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), quá trình hội nhập kinh tế do thoả thuận của vòng đàm phán Uruguay về thương mại đạt được giúp hoạt động thương mại và đầu tư tại khu vực này trở nên sôi động hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của khu vực này sẽ cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình 25 năm qua, và châu Á vẫn sẽ là khu vực tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới, với tốc độ tăng GDP trung bình năm khoảng 5,5% (không tính Trung Quốc và Ấn Độ). Các nước ASEAN vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP trung bình 6,4%/năm - mức cao nhất so với các khu vực khác; Trung Quốc đạt mức tăng trưởng GDP trung bình là 7,2%/năm (đứng thứ hai thế giới). Riêng Việt Nam, theo đánh giá của WB và Asiaweek, tốc độ tăng GDP bình quân 7,4% - mức cao nhất thế giới. Tốc độ tăng GDP của các NIE châu Á đạt 5,5%/năm, trong đó cao nhất là Singapo, 5,7%/năm.

Tăng trưởng thu nhập tính theo đầu người của các nước Đông và Nam Á tương ứng từ mức 4,8% thời kỳ 2000-2004; 5,4%

thời kỳ 2005-2015 và 3,5% thời kỳ 2000-2004 và 4,0% thời kỳ 2005-2015. Tuy mức tăng này không cao bằng mức tăng trưởng trong những năm 1980 và 1990, nhưng mức tiết kiệm tăng cao và sự tăng năng suất đã giúp cho châu Á trở thành khu vực tăng trưởng nhanh nhất, ít nhất là đến năm 2015. Trong đó, các nước Đông Á vẫn duy trì mức tiết kiệm cao hiện nay, tích lũy vốn lớn đã góp phần vào 2/3 tổng mức tăng trưởng, với khoảng 30% do năng suất lao động. Tỷ lệ đầu tư/GDP ở mức cao 33,7%, tương đương với mức của thập kỷ 1990 (34%) và lạm phát giảm từ mức cao bình quân 5,4%/năm ở thập kỷ 1990 xuống còn 3,7%/năm. Các nước Nam Á nhờ có sự cải thiện về vốn con người, tự do hóa thương mại tiếp tục được thực hiện với các chính sách xoá bỏ dần thuế quan và các hàng rào phi thuế quan, chính sách thay thế nhập khẩu đã giúp kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ. Chính sự phát triển này lại tạo ra những cơ hội lớn để các nước Nam Á hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Tăng trưởng cao kéo theo tỷ trọng GDP của châu Á trong GDP toàn cầu tăng lên và năng suất tổng thể các yếu tố (TFP) cũng tăng lên. Những chuyển dịch lớn ở châu Á sẽ làm cho châu Á ngày càng thịnh vượng, và điều tối quan trọng đang xảy ra trên thế giới ngày nay là sự hiện đại hóa châu Á, chẳng những đối với người châu Á mà còn cho cả thế giới nữa. Sự hiện đại hóa này sẽ làm thay đổi mọi thứ¹.

- *Thứ nhất*, sự chuyển dịch từ nhà nước quốc gia sang mạng kết nối. Hiện nay, châu

Kim Ngọc, PGS.TS, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới
1. Rowan Gibson, Rethinking the future, London, pp. 222-226.

Á đang chuyển từ sự phụ thuộc vào Nhật Bản sang phụ thuộc vào người Hoa ở hải ngoại. Một mạng lưới 57 triệu người Hoa sống ở hải ngoại, trong đó 54 triệu người sống ở châu Á. Họ là những nhà kinh doanh độc lập và những gia đình doanh nghiệp. Mỗi gia đình là một mạng công ty và xí nghiệp và nhiều mạng có thể kết nối với nhau. Họ hoạt động với nhau trong mạng nhưng đồng thời cũng theo tính cách cá nhân, và là những đơn vị kinh doanh rất có hiệu quả.

- *Thứ hai*, chuyển từ sản xuất để xuất khẩu sang sản xuất để tiêu dùng. Cho đến gần đây, các nền kinh tế châu Á chỉ nhằm phát triển xuất khẩu. Nhưng chính trong quá trình xây dựng nền kinh tế hướng về xuất khẩu mà mức sống được nâng cao đến lúc họ trở thành người tiêu thụ. Và thế là nền kinh tế hướng về xuất khẩu được thêm một động lực tiêu dùng. Giờ đây, vì mức sống đã được nâng lên ở khắp châu Á trong quá trình xây dựng nền kinh tế hướng về xuất khẩu, chúng ta đang chuyển sang giai đoạn những nền kinh tế này thực sự chịu chi phối bởi hoạt động tiêu dùng trong nước.

- *Thứ ba*, sự chuyển dịch từ ảnh hưởng của phương Tây sang phong cách phương Đông. Châu Á là vùng mà phần đông các quốc gia đều theo thuyết tiền định, mọi việc lúc nào cũng được định trước theo truyền thống. Nhưng sự bùng nổ kinh tế khiến dân chúng ý thức là họ có quyền lựa chọn. Họ có quyền lựa chọn chính thể, tôn giáo, và lựa chọn chi tiêu.

- *Thứ tư*, chuyển từ trạng thái cơ chế nhà nước kiểm soát sang cơ chế thị trường. Tất nhiên điều này diễn ra trên khắp thế giới nhưng tại châu Á nó diễn ra mạnh mẽ dữ dội. Ngoại trừ Nhật Bản, các nước châu Á đều đã mở cửa mạnh mẽ cho nước ngoài đầu tư và tham gia phát triển kinh tế, đây cũng là khía cạnh cực kỳ quan trọng trong sự tăng trưởng của nền kinh tế ở những nước này. Những nền kinh tế châu Á ngày càng hoạt động theo thị trường.

- *Thứ năm*, từ làng xã tiến đến siêu đô thị, hiện tượng nông thôn chuyển thành thành thị đang diễn ra trên toàn châu Á. Cả vùng đang từ sản xuất nông nghiệp cần nhiều lao động nhanh chóng chuyển sang công nghiệp chế biến và dịch vụ.

- *Thứ sáu*, sử dụng nhiều lao động sang công nghệ cao.

- *Thứ bảy*, xu hướng chuyển từ nam quyền sang sự vươn lên của nữ giới.

- *Thứ tám*, chuyển từ Tây sang Đông, đây là sự trở về phương Đông như trung tâm của thế giới. Châu Á đã từng là trung tâm của thế giới ở thế kỷ XV. Tiếp đến là sự thống trị của phương Tây suốt 400-500 năm qua, giờ đây trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của thế giới đang chuyển trở về châu Á, và vùng này sẽ là vùng quan trọng nhất thế giới trong thế kỷ XXI.

Tang Renwu - phó viện trưởng Viện Kinh tế học, Đại học sư phạm Bắc Kinh, Trung Quốc cho rằng: sự di chuyển trung tâm hoạt động kinh tế thế giới sang khu vực châu Á là một trong những đặc điểm quan trọng của cục diện mới của kinh tế thế giới. Đây là một sự di chuyển lớn có tính lịch sử - một trung tâm kinh tế thế giới mới đang hình thành - trung tâm hoạt động kinh tế châu Á. Lịch sử thế giới đang bước vào một thời kỳ bước ngoặt mới.

Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, giữa thế kỷ XXI sẽ xuất hiện 12 nền kinh tế hàng đầu thế giới. Châu Á có 5 nền kinh tế, đó là Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia và Hàn Quốc. Dưới đây là những lý do minh chứng cho nhận định này.

Thứ nhất, hầu hết các nước châu Á những năm qua đạt được tốc độ tăng trưởng cao. Quá trình hội nhập kinh tế là do thỏa thuận của vòng đàm phán Uruguay về thương mại đạt được. Hoạt động thương mại và đầu tư tại khu vực này trở nên sôi động hơn, do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt được của châu Á thế kỷ XXI sẽ cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình 25 năm qua từ 2% đến 3%.

Thứ hai, dòng vốn đầu tư vào các nước châu Á sẽ tăng lên. Theo dự báo của UNCTAD (Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển), hàng năm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của thế giới tăng khoảng 10%. Châu Á sẽ trở thành khu vực tiếp nhận vốn đầu tư lớn nhất trong tương lai. Trong thời kỳ 1992-2020, FDI tại khu vực châu Á sẽ tăng hàng năm hơn 6%, riêng Trung Quốc xấp xỉ 10%, trong khi đó tốc độ tăng FDI hàng năm của cả thế giới cùng kỳ chỉ là 3,6%, của các nước OECD sẽ là 3,1%. Đầu tư tăng, TFP của châu Á cũng sẽ tăng và tăng nhanh hơn mức tăng của cả thế giới.

Thứ ba, những năm qua, châu Á, đặc biệt Đông Á đã trở thành thị trường buôn bán lớn nhất thế giới. Không kể Nhật Bản, thì Hồng Kông, Trung Quốc, Singapo, Hàn Quốc, Đài Loan và Malaixia đang đứng trong danh sách 20 nước xuất khẩu lớn nhất của thế giới (bảng 1). Từ năm 1992 trở đi, xuất khẩu của các NIE, ASEAN và Trung Quốc bằng 160% mức xuất khẩu của Mỹ, và bằng 106% mức xuất khẩu của EU. Nếu như gộp cả Nhật Bản thì xuất khẩu của Đông Á gấp 2 lần xuất khẩu của EU. Từ năm 1994 trở đi, buôn bán của châu Á - Thái Bình Dương vượt mức buôn bán của Hoa Kỳ với EU.

BẢNG 1. Tốc độ xuất nhập khẩu và tỷ lệ thị phần của các nước và khu vực trên thế giới thời kỳ 1992- 2020 (%)

Các nước và khu vực	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Tốc độ tăng 1992- 2020	Tỷ trọng thị phần		Tốc độ tăng 1992- 2020	Tỷ trọng thị phần	
		1992	2020		1992	2020
<i>Cả thế giới</i>	5,5	100,0	100,0	5,3	100,0	100,0
OECD	3,5	67,8	40,4	4,0	65,3	45,3
NIEs	6,5	7,4	9,7	6,3	7,2	9,4
Các nước đang phát triển	8,1	23,5	48,4	7,3	25,7	43,4
Trung Quốc	10,0	3,0	9,8	10,2	2,8	9,9
Ấn Độ	12,0	0,7	3,9	11,0	0,8	3,2
Indônêxia	8,8	1,1	2,7	7,8	0,9	1,8
Các nước chuyển đổi	6,2	3,0	3,6	5,9	3,4	3,9
ASEAN	8,9	9,0	22,0	8,5	8,7	20,1

Nguồn: Global Economic Prospects, WB, 1997, 2003

Những nước có tỷ lệ tăng xuất khẩu và nhập khẩu cao nhất là Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia và các quốc gia ASEAN.

Do tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu hàng năm cao nên thị phần xuất khẩu và nhập khẩu của các nước châu Á sẽ tăng. Thị phần xuất khẩu của các nước đang phát triển năm 1992 chỉ chiếm 23%, đến năm 2020 theo dự báo sẽ chiếm 48,4%, nhập khẩu cũng tăng từ 25,7% lên 43,4% cùng thời kỳ. Nếu so với các nước OECD, tỷ trọng chiếm lĩnh thị phần của các nước đang phát triển sẽ tăng nhanh hơn và ngang hàng với tỷ lệ của OECD vào năm 2020. Trung Quốc và các nước ASEAN có mức

tăng nhanh nhất. Cùng với thương mại, hoạt động đầu tư cũng phát triển mạnh và FDI của Đông Á ra bên ngoài ngày càng lớn.

Thứ tư, trước đây Nhật Bản và các nước Đông Á đi theo con đường nhập khẩu công nghệ từ phương Tây bằng cách mua bằng sáng chế hoặc cử hàng loạt cán bộ đi học quản lý kinh doanh và sử dụng công nghệ hiện đại. Ngày nay, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan không chỉ làm chủ được công nghệ hiện đại mà còn cải tiến và đang sản sinh ra công nghệ, mới. Trong tương lai không chỉ Mỹ, Tây Âu giữ vị trí độc tôn trong thị trường công nghệ mà Nhật Bản và một số quốc gia Đông Á

cũng là nơi chứa đựng những tiềm năng xuất khẩu công nghệ to lớn. Đạt được thành quả to lớn như vậy là do họ chú ý đặc biệt đến chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Châu Á đang hiện đại hóa và ngày càng thịnh vượng, song đi kèm với nó là những nguy cơ của các cuộc xung đột trong khu vực. Suốt hơn nửa thế kỷ qua, châu Á đã trở thành điểm nóng của thế giới, và trong vài thập kỷ tới, điểm nóng này không hề nguội đi. Bán đảo Triều Tiên có thể vẫn sẽ là "điểm nóng" ở châu Á. Tạp chí "Chiến lược và quản lý" số 5-2002 của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc nhận định: "Vấn đề bán đảo Triều Tiên là một điểm nóng ở châu Á dễ có khả năng bùng nổ nhất một cách kịch tính (kịch tính ở đây không có nghĩa là hai bên lập tức thống nhất). Chính điểm nóng này sẽ biến Nhật Bản, một siêu cường trong khu vực trở nên "bình thường". Điều 9 trong Hiến pháp Nhật Bản sẽ được sửa đổi, cho phép quân đội Nhật Bản "tuyên bố chiến tranh". Eo biển Đài Loan sẽ vẫn là mối nguy cơ thường trực đối với hoà bình trong khu vực Đông Á. Ở Đông Nam Á, biển Đông sẽ vẫn là ngòi nổ tiềm tàng đối với sáu quốc gia đang tranh chấp những đảo và quần đảo trong khu vực này. Mặc dù quan hệ Trung - Mỹ hay quan hệ của Mỹ với các nước trong khu vực có ảnh hưởng nhất định, nhưng vấn đề biển Đông vẫn chủ yếu liên quan tới Trung Quốc và các nước ASEAN. Nếu địa vị kinh tế giữa Trung Quốc với các nước ASEAN ngày càng cách xa nhau, thì các nước ASEAN ngày càng bị yếu thế tương đối, nếu các nước ASEAN thu được lợi ích từ sự phát triển của Trung Quốc thì khả năng hợp tác sẽ ngày càng lớn. Nhưng do tâm lý dân tộc của một số nước đối với Trung Quốc vẫn là cảnh giác tương đối cao, nên trong thời gian ngắn vấn đề biển Đông ít có khả năng được giải quyết".

Tranh chấp Ấn Độ - Pakixtan: chỉ có khả năng hạn chế quy mô xung đột chứ không thể giải quyết vấn đề mang tính thực chất, vì tâm lý của dân chúng hai nước đều không cho phép chính quyền có thoả hiệp lớn...

Trong khi những xung đột ở Sri Lanka hay Kashmir có thể được giải quyết thì những

căng thẳng mới lại nổi lên, từ xung đột sắc tộc cho đến sự tranh giành các nguồn tài nguyên khan hiếm. Về khía cạnh này, sự thiếu hụt năng lượng, bắt nguồn từ sự thịnh vượng ngày càng tăng của châu Á, sẽ gây ra những căng thẳng mới hết sức nghiêm trọng. Nhật Bản là nước phụ thuộc lớn vào năng lượng nguyên tử và phải nhập khẩu gần như toàn bộ lượng dầu mỏ phục vụ cho nền kinh tế. Do phải nhập plutonium đã qua sử dụng để phục vụ các nhà máy điện nguyên tử, nên trong các thập kỷ tới, Nhật Bản sẽ "sở hữu" một kho nguyên liệu plutonium lên tới cả trăm tấn. Bất kỳ một sự thay đổi căn bản nào trong chính sách phòng vệ của Nhật Bản có thể biến kho này thành nguyên liệu sản xuất ra nhiều bom nguyên tử hơn cả con số của Nga và Mỹ cộng lại. Tăng trưởng kinh tế cũng sẽ biến Trung Quốc và Ấn Độ thành các nền kinh tế phải nhập khẩu năng lượng. Để bảo vệ các tuyến cung cấp dầu mỏ và các nguồn dầu mỏ cho nền kinh tế, Trung Quốc sẽ phát triển mạnh lực lượng hải quân.

Trong các thập kỷ tới ở châu Á diễn ra hai cuộc đua tranh trái ngược nhau: chạy đua vũ trang và cuộc đua tăng trưởng kinh tế. Như vậy, cho dù là khu vực tăng trưởng năng động nhất thế giới, châu Á vẫn chứa trong nó nhiều yếu tố bất ổn, đe dọa tới triển vọng phát triển của khu vực. Trong các thập kỷ tới, châu Á vẫn sẽ là một cơ thể cường tráng về kinh tế nhưng ốm yếu về chính trị.

Tương lai kinh tế châu Á vẫn sáng nhất trong thế giới đang phát triển. Nhưng sự cạnh tranh vẫn tiếp tục tăng lên trong kỷ nguyên thông tin và để đạt được những kết quả tốt nhất, các chính phủ ở châu Á phải trải qua những thời kỳ thử thách, điều chỉnh chính sách, nền chính trị và các thể chế cho phù hợp với tình hình mới. Trong những thập kỷ tới, vấn đề cốt lõi là thúc đẩy và mở rộng cơ chế thị trường. Đối với Hàn Quốc, tính minh bạch của thị trường nội địa phải tăng cường để khôi phục chức năng của kinh tế thị trường. Tại Trung Quốc và Việt Nam, cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước sẽ là nhân tố quyết định triển vọng kinh tế. Tương tự như vậy, Ấn

Độ cần phải sử dụng hiệu quả hơn các nguồn nội lực, kết hợp tốt với các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển một nền kinh tế mở, có như vậy Ấn Độ mới có thể đánh thức tiềm năng trở thành trung tâm tăng trưởng của thế giới như NIEs và ASEAN đã làm được. Cuối cùng, tính quyết định vẫn là ở việc Nhật Bản, gã khổng lồ châu Á, sẽ cải cách khu vực tài chính ngân hàng tới đâu và sẽ làm gì để thực sự bước vào nền kinh tế thông tin.

2. Triển vọng kinh tế các nước

• Kinh tế Nhật Bản

Thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX có thể coi là thập kỷ "mất mát" của cường quốc kinh tế số hai thế giới - Nhật Bản, với tăng trưởng GDP bình quân 1,8%/năm (giảm mạnh so với thập kỷ 1970: 5,8% và thập kỷ 1980: 3,8%). Nhiều nhà nghiên cứu đã tổng kết sự thất bại này, nguyên nhân bao trùm là sự chậm thích ứng của mô hình kinh tế Nhật Bản đối với làn sóng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin. Trong khi hàng năm Mỹ đầu tư 4% GDP cho công nghệ thông tin, Anh, Đức và Pháp ở mức 3% GDP thì Nhật Bản chỉ đạt 2% GDP cho công nghệ thông tin. Ở cấp vi mô, chi phí cho công nghệ thông tin của các công ty Nhật Bản chỉ bằng một nửa các công ty Mỹ. Chỉ 17% số hộ gia đình Nhật Bản có máy vi tính so với 46% ở Mỹ và 24% ở châu Âu. Nhật Bản đã chậm hơn trong việc nghiên cứu các sáng chế công nghệ mới có thể tạo thành động lực tăng trưởng kinh tế, do 80% các hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) tập trung tại các phòng thí nghiệm tư nhân với tầm nhìn ngắn hạn và thiên về ứng dụng chứ không phải là sáng tạo và đổi mới. Chế độ làm việc suốt đời làm các tài năng bị "kìm kẹp" tại các tập đoàn lớn, không khuyến khích tính sáng tạo. Trong khi đó, công nghệ thông tin và internet lại bị các ông chủ ngân hàng coi là "quá mạo hiểm"; các quy định quá chặt chẽ của thị trường vốn Nhật Bản đã "bóp nghẹt" sự ra đời của các doanh nghiệp tiên phong vào lĩnh vực công nghệ mới.

Chính những đặc điểm cố hữu khó có thể khắc phục một sớm một chiều này đã đưa đến

những đánh giá không mấy lạc quan về kinh tế Nhật Bản trong thập kỷ tới (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hơn 1%/năm). Nhật Bản đã bỏ lỡ cơ hội và thất bại trong việc giải quyết những vấn đề căn bản trong thể chế kinh tế, chính trị và tài chính của mình trong suốt thập kỷ qua. Trong thập kỷ tới Nhật Bản sẽ hành động ra sao? Có hai khả năng: *thứ nhất*, Nhật Bản vẫn không thể "cải cách" được những vấn đề cơ cấu của mình. Theo đó, khu vực ngân hàng vẫn là điểm yếu nhất. Chính phủ vẫn chi tiền cho các ngân hàng yếu kém thay vì để cho chúng phá sản. Một số ngân hàng sẽ sáp nhập, số khác sẽ được bán cho nước ngoài, song nhìn chung chỉ là "bình mới rượu cũ". Thất bại trong cải cách khu vực ngân hàng sẽ triệt tiêu động lực quan trọng của các cải cách kinh tế và thể chế khác. *Thứ hai*, Nhật Bản sẽ quyết tâm cải tổ mô hình kinh tế của mình, khu vực tài chính - ngân hàng mở cửa ra bên ngoài và có tính cạnh tranh quốc tế thực sự. Nhật Bản sẽ cùng Mỹ tiến mạnh vào công nghệ tiên tiến và duy trì được vị trí hàng đầu của mình trong nền kinh tế thế giới trong các thập kỷ tới.

Để thoát khỏi sự trì trệ và duy trì sức mạnh kinh tế của mình, Nhật Bản sẽ phải tích cực thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa, nhằm biến xu thế này thành phương tiện cải tổ hệ thống điều tiết kinh tế. Tự do hóa thương mại và đầu tư sẽ thúc đẩy những thay đổi trong cơ cấu công nghiệp, thích ứng với vấn đề già hóa dân số, giảm nhẹ các sức ép xã hội và chính trị về tình trạng bất cân bằng giữa các vùng kinh tế.

Trong thập kỷ tới, Nhật Bản cần một chính phủ hiệu quả hơn và một thị trường lao động linh hoạt hơn. Chính phủ phải giải quyết được mối quan hệ giữa việc cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội và vấn đề cân bằng ngân sách, nếu không gánh nặng thuế khoá và chi phí bảo hiểm xã hội sẽ tăng lên, làm giảm năng suất và tính cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp. Quan trọng hơn hết, về lâu dài, Nhật Bản phải có các chính sách bắt kịp "nền kinh tế thông tin" thông qua cải cách giáo dục tiểu học theo hướng giảm học "chay" và kích thích

tính sáng tạo; đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động R&D tại các trường đại học, chuyển hướng từ nghiên cứu ứng dụng sang phát minh sáng tạo... Nếu cả Chính phủ lẫn khu vực doanh nghiệp chậm trễ trong việc nuôi dưỡng "tính sáng tạo" thì những người tài sẽ phải tìm "đất mới để dụng võ", hiện tượng chảy máu chất xám xảy ra sẽ thực sự là cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất trong thời gian tới đối với Nhật Bản.

• Kinh tế Trung Quốc

Trung Quốc đã đạt được tăng trưởng kinh tế đáng kể trong một số năm qua (tốc độ tăng GDP 1960-1978: 5,2%; 1979-1997: 9,9%) và tốc độ này sẽ còn được duy trì trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Standard & Poor's DRI - một công ty dự báo quốc tế của Mỹ và các dự báo khác của WB, OECD đã dự đoán GDP của Trung Quốc sẽ tăng bình quân hàng năm là 7,2% trong khoảng thời gian từ 1998 đến 2015. Điều này có nghĩa là cứ 10 năm Trung Quốc lại tăng GDP lên gấp đôi. Theo Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA), năm 2010 Trung Quốc sẽ phát triển thành quốc gia thương mại hàng đầu ở châu Á và đạt kỷ lục 120 tỷ USD xuất siêu vào năm 2020. Tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc tương đương 70% của Nhật Bản, 257% so với toàn bộ các quốc gia ASEAN và 228% so với các NIE châu Á. Các dự báo của các tổ chức kinh tế quốc tế đều cho rằng, khoảng năm 2020, mặc dù quy mô kinh tế của Trung Quốc có thể vượt Mỹ, song, thu nhập GDP bình quân đầu người của Trung Quốc lúc đó cũng chỉ bằng một nửa của Mỹ. Các nhà kinh tế Trung Quốc thì cho rằng, 20 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc vẫn chỉ là nước phát triển trung bình. Mặc dù kinh tế phát triển nhanh và có tác động lớn đến nền kinh tế thế giới, nhất là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhưng ít có khả năng sẽ vượt Mỹ trong những thập niên đầu thế kỷ XXI².

Sự phát triển kinh tế của Trung Quốc trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI do những nhân tố sau quyết định:

- Thị trường tiêu dùng và tiềm năng để phát triển thị trường trong nước lớn;

- Trung Quốc đã hoàn thành giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, đang hướng tới giai đoạn thứ hai. Khu vực công nghiệp truyền thống được biến đổi về công nghệ trên phạm vi rộng, các ngành công nghiệp mới phát triển nhanh chóng, các chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng trên phạm vi lớn, công nghiệp nặng và hóa chất được nhấn mạnh trong cơ cấu công nghiệp;

- Trung Quốc có tỷ lệ tiên tiến kiệm tương đối cao, có thể vẫn đạt trên 35% thu nhập tiền mặt ở đầu thế kỷ XXI. Trung Quốc tiếp tục tạo được niềm tin ở các nhà đầu tư nước ngoài, ngoài ra 80% các quỹ đầu tư sẽ là tiên tiến kiệm trong nước;

- Trung Quốc có nguồn lao động phong phú, chi phí lao động thấp hơn nhiều so với mức trung bình quốc tế;

- "Những nút thắt" trong kết cấu hạ tầng gây cản trở rất lớn cho sự phát triển kinh tế nay đã được gỡ bỏ. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu như thép, xi măng, than được cung cấp dư thừa và có tiềm năng rất lớn để tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu;

- Khu vực thứ ba ước chừng chỉ chiếm 30% GDP cũng có tiềm năng to lớn để phát triển, do khu vực này có khả năng thu hút số lượng lớn lao động tách ra từ khu vực cơ bản và khu vực thứ hai;

- Với những tiến bộ trong hệ thống cải cách kinh tế của Trung Quốc và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường XHCN, tính hiệu quả trong các xí nghiệp Trung Quốc cũng ngày càng được cải thiện và thể hiện qua các hoạt động kinh tế vĩ mô.

Cùng với các xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới, Trung Quốc sẽ ngày càng hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế và nâng cao trách nhiệm của mình với tư cách là một nước lớn. Trong tiến trình hội nhập này, sẽ xuất hiện một số xu hướng sau:

- Công nghiệp hóa và tin học hóa nền kinh tế sẽ được thúc đẩy.

2. PGS.TS Kim Ngọc, Kinh tế thế giới thế kỷ XX và triển vọng những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, Nxb CTQG, H. 2001.

- Vấn đề hiện đại hóa nông thôn được đặt lên hàng đầu.

- Các ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, ngành dịch vụ; bảo vệ môi trường trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

- Sự phụ thuộc của nền kinh tế vào lương thực và dầu mỏ sẽ tăng lên, do đó các ngành kỹ thuật sẽ giúp tăng sản lượng lương thực và tiết kiệm năng lượng sẽ được ưu tiên, khuyến khích và phát triển nhanh.

- Sự cạnh tranh của nước ngoài sẽ tăng mạnh mẽ...

Tuy nhiên các nhà kinh tế cũng lưu ý rằng: những vấn đề đang đặt ra buộc Trung Quốc phải giải quyết trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI là làm thế nào đẩy nhanh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước mà vẫn xử lý được vấn đề thất nghiệp; làm thế nào để khắc phục sự phát triển bất cân bằng giữa các vùng kinh tế, sự phát triển thiên lệch giữa các ngành kinh tế và làm thế nào để giải quyết vấn đề khan hiếm lương thực và nguồn năng lượng phục vụ phát triển kinh tế... Báo cáo của Hội nghị thế giới những người phụ trách về phát triển xã hội của các quốc gia do Liên hợp quốc tổ chức vào trung tuần tháng 10-1999 đã đưa ra 4 thách thức lớn trong phát triển kinh tế xã hội của Trung Quốc, đó là: *dân số và việc làm*: sự phát triển dân số và lực lượng lao động hàng năm là rất lớn khiến cho tỷ lệ thất nghiệp trong các khu đô thị tăng lên hàng năm. Ở nông thôn, trong 300 triệu lao động thì có tới 160 triệu lao động dư thừa; *tài nguyên và môi trường*: dân số Trung Quốc chiếm 22% dân số thế giới, nhưng đất trồng trọt và nguồn nước chỉ chiếm 7% thế giới. Tài nguyên năng lượng và mỏ không nhiều. Trong giai đoạn 2000-2010, việc cung cấp dầu thô chỉ đáp ứng được 20-45% yêu cầu hàng năm. Tỷ lệ suy biến môi trường đang ngày càng gia tăng. Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, nước ngầm ở 50% các thành phố Trung Quốc đã bị ô nhiễm; hệ thống ngân hàng có thể bị đổ vỡ, việc thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo và sức ép do sự lạc hậu công nghệ và cạnh tranh quốc tế gây ra.

Trung tâm nghiên cứu Rand có trụ sở tại Mỹ đưa ra 8 mối đe dọa tiềm tàng cản trở, thậm chí có thể kéo lùi tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong tương lai: *Thứ nhất là*, tình trạng thất nghiệp, đói nghèo và bất ổn định xã hội có thể làm tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giảm 0,3-0,8% trong 10 năm tới. *Thứ hai là*, tình trạng tham nhũng tràn lan và do phân phối sai lệch nguồn vốn phát triển sản xuất có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc khoảng 0,5%/năm. *Thứ ba là*, bệnh HIV/AIDS và các loại dịch bệnh khác cũng là gánh nặng đối với Trung Quốc. Xu hướng này ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế Trung Quốc do phải dành nhiều khoản chi phí lớn để chữa trị người bệnh và sức lao động giảm. *Thứ tư là*, tình trạng thiếu nước và ô nhiễm môi trường. *Thứ năm là*, tiêu dùng năng lượng và giá nhiên liệu. Trung Quốc đã chuyển từ nước xuất khẩu dầu lửa trong những năm 90 của thế kỷ XX thành một nước nhập khẩu dầu lửa và khí đốt lớn, chiếm 1/2 lượng dầu lửa và 1/5 lượng khí đốt Trung Quốc tiêu thụ hàng năm. *Thứ sáu là*, sự yếu kém của hệ thống tài chính và xí nghiệp quốc doanh dẫn đến nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính và cạn kiệt tín dụng. *Thứ bảy là*, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có khả năng giảm sút do một số xu hướng bên trong gây nên, nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính và khả năng đồng nhân dân tệ trở thành đồng tiền chuyển đổi. *Thứ tám là*, vấn đề Đài Loan và nguy cơ các cuộc xung đột tiềm tàng khác.

Khả năng 8 nhân tố trên xảy ra đồng thời là rất hãn hữu, song một nhân tố xảy ra có thể gây phản ứng dây chuyền làm nảy sinh các nhân tố khác, bởi gốc gác của 8 nhân tố trên đều có trong cơ cấu xã hội, chính phủ và tổ chức đảng. Do đó, để hạn chế tối đa nguy cơ bùng phát đòi hỏi lãnh đạo các cấp từ trung ương tới địa phương cần có những nỗ lực lớn. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cần đặc biệt quan tâm tới những vấn đề trên.

Các chuyên gia của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc cho rằng: công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc gặp phải vấn đề gay gắt là đất nước trong thời gian dài phổ biến thực hiện chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch địa phương, bởi vậy, việc nhất thể hóa kinh tế của Trung Quốc để hoà nhập với trào lưu của khu vực diễn ra tương đối chậm chạp. Muốn lợi dụng thị trường to lớn của Trung Quốc để tạo ra được những xí nghiệp có sức cạnh tranh cao, phải cho phép những xí nghiệp ở những khu vực khác nhau cạnh tranh trong cùng một môi trường tự do hóa đầu tư. Vì vậy, Trung Quốc muốn hoà nhập vào khối nhất thể hóa kinh tế khu vực thì trước tiên phải hoàn thành nhất thể hóa thị trường trong nước. Hiện nay giữa Trung Quốc và các nước lớn có một sự khác biệt lớn về công nghệ và trang thiết bị trong công nghiệp, đặc biệt trong khu vực chế tạo. Hoàn cảnh này tác động bất lợi đến quá trình Trung Quốc cải thiện trình độ công nghiệp, nâng cấp cơ cấu công nghiệp và cạnh tranh quốc tế. Trung Quốc có lợi thế cạnh tranh ở các sản phẩm tập trung, nhưng lại ở một vị trí yếu kém liên quan đến các sản phẩm có công nghệ cao. Sức ép còn lớn hơn nữa bởi những rào cản về thể chế đang cản trở quá trình quá độ nền kinh tế của Trung Quốc.

Các vấn đề đặt ra đòi hỏi Trung Quốc sẽ phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai phương cách "ổn định trên hết" và "cải cách toàn diện" trong hai thập kỷ tới bao gồm:

- Điều chỉnh chiến lược cơ cấu kinh tế để nâng cấp mạnh mẽ cơ cấu công nghiệp;
- Tập trung mũi nhọn vào chiến lược phát triển ở phạm vi lớn và đẩy nhanh hơn nữa và quá trình đô thị hóa miền Tây Trung Quốc, nhằm phát triển sự phối hợp toàn

diện các nền kinh tế vùng, các nền kinh tế thành thị và nông thôn;

- Tích cực cải cách cơ cấu kinh tế tập trung và cải tạo các xí nghiệp sở hữu nhà nước để củng cố những tiến bộ mới trong đổi mới thể chế;
- Thực hiện chiến lược tiếp sinh lực cho đất nước thông qua khoa học và giáo dục, tập trung đổi mới khoa học và công nghệ, nâng cấp chất lượng toàn quốc gia về tăng tốc độ phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục;
- Thực hiện chắc chắn chiến lược phát triển kinh tế dựa trên mối quan hệ hài hoà giữa dân số, tài nguyên và cân bằng sinh thái môi trường;
- Cải thiện mức sống, chất lượng sống và nâng cao mức độ phúc lợi vật chất của nhân dân.

Mức độ giải quyết mối quan hệ trên sẽ quyết định nhịp độ tăng trưởng của Trung Quốc thời gian tới. Các mối quan hệ giữa ổn định, cải cách và phát triển chỉ được duy trì khi các biện pháp chính sách được ban hành đúng lúc và thích hợp, để xã hội tồn tại một trật tự lành mạnh trong quá trình quá độ kinh tế, và nền kinh tế của Trung Quốc mới có thể phát triển bền vững. Nói khác đi nếu thiếu những cải cách trọng yếu cần thiết trên, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc sẽ bị kìm lại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PGS. TS Kim Ngọc, Kinh tế thế giới thế kỷ XX và triển vọng những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, Nxb CTQG, Hà Nội 2001.
2. Rowan Gibson, Rethinking the future, London 1997.
3. Euromonitor, World Economic Prospects, 2002.
4. Các trang web: <http://www.imf.org>; <http://www.wb.org>; <http://www.oecd.org>